shā lā

沙拉

noun · salad

Example Sentences

wǒ xǐ huān chī shuǐ guǒ shā lā dāng tián diǎn
我喜欢吃水果沙拉当甜点。

I like to eat fruit salad as dessert.

zhè jiā diàn de shū cài shā lā hěn xīn xiān
这家店的蔬菜沙拉很新鲜。

The vegetable salad at this shop is very fresh.

Trace each character, then write the word on your own.